

Số: /BC-SKHĐT

Đắk Lắk, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Chỉ số Xanh cấp tỉnh năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk

Ngày 09/5/2024, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp (VCCI) đã công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023. Trên cơ sở kết quả Chỉ số PCI và Chỉ số PGI năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk, báo cáo đánh giá của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh như sau:

A. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PCI NĂM 2023 CỦA TỈNH

Sau khi tính toán điểm tổng hợp PCI dựa trên trọng số các chỉ số thành phần, kết quả điểm số PCI năm 2023 của tỉnh đạt 64,46 điểm, xếp thứ 51/63 tỉnh, thành phố, tăng 3,55 điểm và 9 bậc so với năm 2022; xếp thứ 3 khu vực Tây Nguyên (sau Đắk Nông - xếp thứ 21, Kon Tum - xếp thứ 46).

So sánh kết quả 10 chỉ số thành phần trong PCI năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk với PCI năm 2022 cho thấy:

- Có 07 chỉ số cải thiện cả về điểm số và thứ hạng gồm: (1) Gia nhập thị trường, (2) Tiếp cận đất đai, (3) Tính minh bạch, (4) Chi phí thời gian, (5) Chi phí không chính thức, (6) Cạnh tranh bình đẳng, (7) Đào tạo lao động.

- Có 01 chỉ số tăng điểm nhưng thứ hạng giảm là chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

- Còn lại 02 chỉ số tiếp tục giảm điểm và thứ hạng là (1) Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh, (2) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Điểm số và thứ hạng của các chỉ số thành phần có tăng nhưng vẫn ở mức thấp so với trung bình cả nước, chỉ có 03/10 chỉ số thành phần trên mức trung bình (Tiếp cận đất đai, Chi phí không chính thức và Cạnh tranh bình đẳng). Trong đó, chỉ số có thứ hạng cao nhất là Tiếp cận đất đai (18/63) và chỉ số có thứ hạng thấp nhất là Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh (61/63). Bên cạnh đó, vẫn còn 03 chỉ số thành phần có điểm số ở mức thấp, dưới 6 điểm là Đào tạo lao động, Cạnh tranh bình đẳng, Tính minh bạch.

Kết quả này chưa đạt mục tiêu mà tỉnh đề ra tại Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh về nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 (xếp thứ hạng từ mức trung bình trở lên và các chỉ số thành phần đạt điểm trên 6) - *Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo.*

Phân tích cụ thể đối với từng chỉ số như sau:

I. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN GIẢM ĐIỂM SỐ VÀ THỨ HẠNG

Phần này tập trung vào việc phân tích, đánh giá nhóm các chỉ số thành phần có điểm số, thứ hạng giảm so với kết quả năm 2022, bao gồm 3 chỉ số: Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (điểm số tăng nhưng thứ hạng giảm). Kết quả những chỉ số thành phần chiếm trọng số lớn trong PCI ⁽¹⁾ sụt giảm đã kéo theo tổng điểm và xếp hạng PCI năm 2023 của tỉnh không có nhiều cải thiện.

1. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh: Đạt 6,07 điểm, thứ hạng 61/63 (giảm 0,15 điểm và giảm 3 bậc so với năm 2022), chưa đạt kế hoạch đề ra (KH: $\geq 6,9$ điểm và xếp hạng ≤ 30).

a) Điểm sáng, tích cực:

Nhận định của doanh nghiệp về việc các Sở, ngành và chính quyền cấp huyện thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh là có cải thiện về cả điểm số và thứ hạng.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Có 43% DN tham gia khảo sát nhận thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực, giảm 13% so với năm 2022, xếp vị trí 60/63.

- “Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương” hay “UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh” không được DN đánh giá cao. Có 18% DN tham gia khảo sát đánh giá phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương là “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì”, tăng 3% so với năm 2022; 72% DN đánh giá UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh, giảm 11% so với năm 2022.

- Chỉ có 21% DN đồng ý với nhận định “Chủ trương, chính sách của tỉnh đối với việc tạo thuận lợi cho DN hoạt động là ổn định và nhất quán”, thấp hơn nhiều so với mức trung vị cả nước (41%).

- DN tham gia khảo sát không đánh giá cao tính linh hoạt và hành động của chính quyền tỉnh trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Mặc dù các hoạt động gặp gỡ, đối thoại với DN đã được UBND tỉnh và UBND cấp huyện quan tâm tổ chức, tuy nhiên tỷ lệ DN đồng ý với nhận định “Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp” lại đi xuống (78% DN đồng ý, giảm 10% so với năm 2022).

c) Đánh giá chung:

Ngay từ đầu năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 28/4/2023 về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong

¹ Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh: 15%; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: 15%; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: 10%.

xử lý công việc của các sở, ban, ngành, địa phương, theo đó yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyệt đối không để xảy ra việc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, bảo đảm các công việc thuộc thẩm quyền phải được xử lý nhanh chóng, kịp thời, rút ngắn thời gian thực hiện. Bên cạnh đó, với việc áp dụng Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành và địa phương thuộc tỉnh Đắk Lắk (từ năm 2021) đã cho thấy những đánh giá từ cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư về kết quả điều hành, xử lý công việc của từng cơ quan, đơn vị. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mặc dù UBND tỉnh và một số ngành, địa phương đã triển khai nhiều hoạt động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp như Hội nghị đối thoại doanh nghiệp, Cà phê doanh nhân – doanh nghiệp, các hoạt động đối thoại của ngành thuế, ngân hàng, một số địa phương,...nhưng hiệu quả của các hoạt động này chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Hầu hết các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp đều liên quan đến cơ chế, chính sách, văn bản quy định của Trung ương nên không thể trực tiếp giải quyết tại buổi gặp gỡ, đối thoại. Một số quy định trong văn bản QPPL và văn bản hướng dẫn thi hành của Bộ, ngành Trung ương còn có sự mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu rõ ràng, đặc biệt là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường..., dẫn đến khó khăn cho địa phương trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp; vì vậy các cơ quan, đơn vị phải tham mưu cho tỉnh văn bản đề nghị các cấp Trung ương, Chính phủ hướng dẫn để thực hiện đúng quy định.

Bên cạnh đó, những chủ trương, chính sách, thông tin chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp chưa được tuyên truyền rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp, dẫn đến kết quả đánh giá của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân cũng như niềm tin của doanh nghiệp vào hành động của chính quyền tỉnh bị sụt giảm.

Để cải thiện chỉ số Tính năng động trong thời gian tới, ngoài việc tiếp tục duy trì và cố gắng nâng mức độ hài lòng các tiêu chí đạt được kết quả tốt ở hiện tại, cần tăng cường tính chủ động của các sở, ngành, địa phương trong việc thực thi, chấp hành theo các Nghị quyết 19, Nghị quyết 02 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; chủ động tìm giải pháp, tham mưu khi chính sách, pháp luật có điểm chưa rõ; kịp thời phản hồi khi doanh nghiệp phản ánh khó khăn, vướng mắc; bên cạnh đó cũng cần phải thay đổi hình thức tuyên truyền về những chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh để doanh nghiệp nắm bắt và có những nhìn nhận tích cực về Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh.

2. Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự:

Điểm số năm 2023 đạt 7,25 điểm, thứ hạng 45/63; giảm 0,2 điểm và giảm 9 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Hầu hết các chỉ tiêu đánh giá của DN về hiệu quả hoạt động của Tòa án các cấp như: số lượng các vụ án kinh tế đã được giải quyết, việc xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật, phán quyết công bằng, xử lý và thi hành nhanh chóng đều được cải thiện.

- Niềm tin của DN vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng cũng như hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước gia tăng.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh tiếp tục đi xuống. Tỷ lệ DN đồng ý với nhận định “Cơ quan công an sở tại xử lý các vụ việc của DN hiệu quả” giảm mạnh từ 90% vào năm 2022 xuống còn 58% vào năm 2023.

- Các chi phí mà DN phải chi trả (kể cả chi phí chính thức và không chính thức) từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành vẫn còn ở mức cao.

- Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp giảm so với năm 2022. Số lượng vụ việc tranh chấp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý và tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh năm 2023 cũng giảm.

c) Đánh giá chung:

Để đạt được kết quả trên là sự tích cực trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của các cơ quan, đơn vị có liên quan, cụ thể ở các nội dung công tác như sau:

- Về thiết chế pháp lý:

Chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản QPPL, hoàn thiện thể chế tiếp tục được nâng lên, các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên cơ bản đã được cụ thể hóa, triển khai kịp thời; tổ chức rà soát văn bản QPPL, thực hiện công bố văn bản QPPL hết hiệu lực định kỳ hàng năm. Công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV được triển khai tốt. Sở Tư pháp luôn kiểm soát chặt chẽ quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có các chính sách pháp luật liên quan đến doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị luôn nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp nhằm ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc, từ đó nâng cao niềm tin của doanh nghiệp vào khả năng bảo vệ của pháp luật giúp cho Doanh nghiệp tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước.

Mặc dù cơ quan trợ giúp pháp lý tại tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp khởi kiện khi có tranh chấp xảy ra, tuy nhiên, do nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có phần hạn chế; một số văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp

đang trong giai đoạn hoàn thiện cũng ảnh hưởng đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp.

- Về an ninh trật tự: Trong năm 2023, Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác đảm bảo tình hình ANTT của doanh nghiệp trên địa bàn, điển hình là: tham mưu các giải pháp góp phần ổn định nguồn cung xăng dầu, bảo đảm an toàn, an ninh năng lượng trong các dịp lễ, tết; nâng cao năng lực công tác đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong tình hình mới. Triển khai 15 phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trên lĩnh vực kinh tế; phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp làm tốt công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; chủ động giải quyết các vụ việc, hạn chế không để xảy ra vấn đề phức tạp, hình thành điểm nóng về ANTT. Qua đó góp phần tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh để doanh nghiệp hoạt động, phát triển.

Tuy nhiên, công tác đảm bảo ANTT liên quan đến doanh nghiệp vẫn còn tồn tại, hạn chế, đó là: công tác tham mưu giải quyết các vụ tranh chấp khiếu kiện mặc dù đã được tập trung thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, chưa giải quyết căn cơ nguyên nhân của các vụ việc phức tạp, kéo dài (hiện tại còn 14 vụ khiếu kiện tại các công ty nông, lâm nghiệp chưa được giải quyết dứt điểm).

- Đề xuất giải pháp: Để cải thiện chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự, về phía các Cơ quan Công an, UBND cấp huyện cần phải tăng cường chỉ đạo kiểm soát tốt tình hình an ninh trật tự tại các địa phương, đặc biệt là tại trụ sở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa doanh nghiệp khi xảy ra vấn đề về an ninh trật tự. Hệ thống Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh cũng cần phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường rà soát, cắt giảm chi phí mà DN phải chi trả (kể cả chi phí chính thức và không chính thức) từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành; tăng cường công tác hỗ trợ, tư vấn pháp lý để DN tin tưởng sử dụng hệ thống pháp luật khi có tranh chấp.

3. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

Điểm số năm 2023 đạt 6,13 điểm, thứ hạng 42/63; tăng 0,42 điểm và giảm 01 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Một số chỉ tiêu đánh giá việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dễ thực hiện đã có sự cải thiện so với năm 2022. Có trên 80% DN trả lời khảo sát cho rằng các thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động, tiếp cận hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp luật là dễ thực hiện.

- Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs) thuận lợi tăng 40% so với năm 2022 (từ 3% lên 43%).

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Trong khi hầu hết các chỉ tiêu về hỗ trợ DN hội nhập kinh tế quốc tế năm 2023 của các tỉnh, thành khác tăng mạnh thì của tỉnh Đắk Lắk lại không có nhiều cải thiện. Đánh giá của DN về chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA hay việc giải đáp hiệu quả các vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi FTAs giảm tới 20 bậc so với năm 2022.

- Đáng lưu ý, chỉ có 7% DN trả lời là có biết đến các chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội của các FTAs (năm 2022 là 50%).

- Thủ tục tiếp cận tín dụng cho DNNVV, tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường và các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cũng được DN đánh giá là khó khăn hơn so với những năm trước đó.

c) Đánh giá chung:

Mặc dù điểm chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp năm 2023 có tăng nhưng không đáng kể, một số tiêu chí liên quan đến thủ tục tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá thuận lợi hơn. Cùng với những chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng linh hoạt, phục hồi và phát triển bền vững, các cơ quan, đơn vị đã tập trung triển khai những giải pháp hỗ trợ tháo gỡ rào cản về pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh, đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho doanh nghiệp,... Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh đã chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia và triển khai có hiệu quả, thiết thực Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp (như Hội nghị khách hàng; trực tiếp làm việc, đối thoại, trao đổi với khách hàng,...); thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước và các chương trình, chính sách tín dụng của ngân hàng mình đối với doanh nghiệp, mở rộng khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp; chủ động xử lý kiến nghị đối với hoạt động ngân hàng. Tuy vậy, doanh nghiệp vẫn cảm thấy còn nhiều khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng; các tổ chức tín dụng thực hiện kiểm soát tín dụng đối với những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao để hạn chế phát sinh nợ xấu đã phần nào ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp.

Về việc triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA): Trong năm 2023, UBND tỉnh đã phối hợp với Bộ Công Thương tiếp tục làm việc trực tiếp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để trao đổi về kế hoạch cụ thể để tận dụng các FTA thế hệ mới đối với ngành hàng cà phê của tỉnh Đắk Lắk; thường xuyên cập nhật, đăng tải các quy định, thông tin, chính sách về FTA trên website của ngành và tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại địa phương thông qua các hình thức phù hợp. Tuy nhiên, các chỉ tiêu liên quan đến mức độ tiếp cận thông tin về các FTA chưa được đánh giá một cách sâu rộng và toàn diện, nguyên nhân khách quan

xuất phát từ việc lấy mẫu khảo sát doanh nghiệp bất kỳ, không đại diện cho hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, không phải tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều xuất khẩu đi các thị trường quốc tế đã ký kết FTA với Việt Nam nên chưa thể hiện sự quan tâm đúng mức tới các FTA này.

Chính vì vậy, để cải thiện mạnh mẽ chỉ số này, trong thời gian tới cần tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức về các hoạt động, quy trình hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cơ hội từ FTAs cũng như các chương trình, chính sách hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để doanh nghiệp biết và tiếp cận dễ dàng hơn.

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CÓ CẢI THIẾN VỀ ĐIỂM SỐ VÀ THỨ HẠNG

Nhóm này bao gồm 07 chỉ số thành phần có cải thiện về điểm số và thứ hạng nhưng không đáng kể, vẫn ở mức thấp so với trung bình cả nước, chưa tạo được sự bứt phá để cải thiện mạnh mẽ kết quả PCI năm 2023 của tỉnh. Tại nhóm này sẽ tiến hành phân tích, đánh giá lần lượt từ chỉ số thành phần có điểm số thấp nhất để thấy rõ được những tồn tại, vấn đề cần lưu ý trong môi trường kinh doanh của tỉnh.

1. Chỉ số Đào tạo lao động:

Điểm số năm 2023 đạt 5,08 điểm, thứ hạng 55/63; tăng 1,35 điểm và tăng 8 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Tỷ lệ chi phí DN phải bỏ ra để tuyển dụng và đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh giảm đáng kể.

- Đánh giá của DN về chất lượng giáo dục dạy nghề tại tỉnh tăng từ 50% vào năm 2022 lên 69% vào năm 2023.

- Có 74% DN được khảo sát đồng ý với nhận định “Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt”, tăng 22% so với năm 2022.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Các tiêu chí DN đánh giá về việc “tuyển dụng lao động phổ thông/tuyển dụng cán bộ kỹ thuật/ tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng”: có tỷ lệ đánh giá rất thấp, thứ hạng các tiêu chí này bị xếp hạng từ 60/63 đến 62/63.

- Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo giảm.

- Một số tiêu chí về “Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT”, “Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN” mặc dù có tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức rất thấp so với mặt bằng chung cả nước.

c) Đánh giá chung:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong việc tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu tuyển dụng, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã thường xuyên triển khai nhiều giải pháp, nhiều cách làm để hỗ trợ doanh nghiệp, người sử dụng lao động. Kết quả trong năm 2023, Trung tâm Dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp tham gia hoạt động dịch vụ việc làm, các huyện, thị xã và thành phố đã tổ chức 81 Phiên giao dịch việc làm, buổi tư vấn việc làm và đã tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí 40.100 lượt người để các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng. Với việc triển khai tuyển dụng lao động qua các Phiên giao dịch việc làm đã giúp doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tuyển dụng lao động cũng như tiết kiệm được chi phí kinh doanh. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh đã tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng, phương pháp đào tạo; đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với nhu cầu tay nghề của doanh nghiệp, thị trường lao động, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể chung thì chất lượng đào tạo lao động của tỉnh vẫn ở mức thấp, chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu của doanh nghiệp, nhất là đối với nhu cầu về lao động chất lượng cao. Các ngành nghề lĩnh vực phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa phát triển mạnh, hầu hết doanh nghiệp đều có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, sử dụng lao động ít, nhu cầu lao động chưa đa dạng. Bên cạnh đó, mức lương doanh nghiệp chi trả cho lao động vẫn còn thấp nên chưa tạo được sức hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhiều lao động có tay nghề như cán bộ kỹ thuật, quản lý, giám sát đều lựa chọn làm việc ở tỉnh ngoài thay vì về làm việc tại địa phương.

Chính vì vậy, ngoài việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho lao động tại chỗ, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông thì cũng cần phải đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo lao động để đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp; có chính sách hoặc cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo nghề và sử dụng lao động đã qua đào tạo để tiết kiệm được tối đa chi phí tuyển dụng, chi phí đào tạo lại lao động sau tuyển dụng. Bên cạnh đó, cũng cần phải đa dạng hình thức tổ chức Phiên giao dịch việc làm để doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn lao động.

2. Chỉ số Tính minh bạch:

Điểm số năm 2023 đạt 5,46 điểm, thứ hạng 54/63; tăng 0,11 điểm và tăng 02 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Tỷ lệ DN quan sát thấy Minh bạch trong đấu thầu được cải thiện. Năm 2022, chỉ có 13% DN được khảo sát đồng ý với nhận định này. Đến năm 2023, tỷ lệ này đạt 52% và xếp vị trí thứ 18/63 (tăng 39% và 41 bậc so với năm 2022).

- Thông tin trên website của tỉnh về TTHC và các văn bản pháp luật được DN đánh giá là hữu ích hơn, tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của tỉnh tăng 17% so với năm 2022.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- DN đánh giá việc tiếp cận tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý khó khăn hơn so với năm trước, lần lượt giảm xuống vị trí 61/63 và 59/63. Có tới 40% DN tham gia khảo sát trả lời rằng cần có “mối quan hệ” để có được các tài liệu của tỉnh, giảm 46 bậc so với năm 2022, xếp vị trí thứ 53/63.

- Tỷ lệ DN trả lời nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp giảm mạnh, từ 67% vào năm 2022 xuống chỉ còn 29% vào năm 2023.

- Các thông tin về ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư hay thông tin về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh công khai trên website của tỉnh không được DN đánh giá cao.

- Vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp tại địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh đi xuống.

c) Đánh giá chung:

Các cơ quan, đơn vị của tỉnh đã thường xuyên rà soát và cập nhật đầy đủ, kịp thời các TTHC của tỉnh lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (IGate) để đảm bảo quyền được tiếp cận, khai thác, sử dụng dịch vụ hành chính công của các tổ chức, cá nhân được thuận tiện, dễ dàng. Các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành cũng được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật và Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã giúp cho doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc tra cứu, tìm kiếm.

Tuy nhiên, thông qua kết quả đánh giá của doanh nghiệp từ Dữ liệu PCI 2023 có thể thấy một trong những nguyên nhân chính dẫn đến chỉ số Tính minh bạch của tỉnh những năm gần đây đạt kết quả rất thấp đó là chất lượng Cổng thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương (bao gồm cả giao diện, nội dung và độ mở của Website) không có nhiều cải thiện, chưa đáp ứng được nhu cầu tra cứu, tiếp cận thông tin của doanh nghiệp, nhất là đối với các thông tin về các chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư, các tài liệu về quy hoạch cũng như các văn bản chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh.

Như vậy, cùng với việc phải cung cấp thường xuyên, kịp thời các thông tin, tài liệu đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp thì cũng cần phải xem xét đến vấn đề xây dựng, thiết kế lại Website của tỉnh cũng như của các sở, ngành, địa phương để doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tra cứu, tìm kiếm thông tin phục vụ cho hoạt động đầu tư kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cần phải nghiêm túc thực hiện việc trả lời, cung cấp thông tin theo đề nghị của doanh nghiệp đảm bảo đúng thời gian quy định. Đồng thời, các Hiệp hội, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng cần phải đổi mới hoạt động, tích cực tham gia vào quá trình xây dựng và phản biện chính sách để phát huy tối đa

vai trò cầu nối giữa chính quyền và doanh nghiệp của mình, bảo đảm quyền và lợi ích của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng:

Điểm số năm 2023 đạt 5,79 điểm, thứ hạng 30/63; tăng 0,56 điểm và tăng 26 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Nhận định của DN về vấn đề “Tinh ưu tiên giải quyết khó khăn cho DN lớn so với DNNVV trong nước”, “Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các DN lớn hơn là phát triển DNNVV tại địa phương”, “Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các DN lớn” hay “Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các DN lớn” được cải thiện đáng kể.

- Tỷ lệ DNNVV đồng ý với nhận định “Sự ưu đãi của tỉnh cho DN lớn gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp tôi” hay “Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh” cũng giảm nhiều so với năm 2022.

b) Vấn đề cần lưu ý:

Đánh giá của DNNVV về việc DN lớn được ưu tiên giải quyết TTHC nhanh chóng hơn, tiếp cận thông tin thuận lợi hơn và thực hiện thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản thuận lợi hơn tiếp tục tăng.

c) Đánh giá chung:

Cùng với các chỉ tiêu đánh giá về Tính minh bạch, do chất lượng thông tin cung cấp chưa đáp ứng được nhu cầu, doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin (về đất đai, quy hoạch, kế hoạch, TTHC, thông tin ưu đãi đầu tư,...) dẫn đến vẫn còn nhiều DNNVV cho rằng có sự ưu ái cho các doanh nghiệp lớn.

Chính vì vậy, cần phải có giải pháp đổi mới hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp, thay đổi mạnh mẽ thái độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc và tiếp xúc trực tiếp của doanh nghiệp để cải thiện cảm nhận của doanh nghiệp về sự quan tâm của chính quyền tỉnh đối với các DNNVV, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng cho các DNNVV trong việc tiếp cận nguồn lực để hoạt động, từ việc tiếp cận thông tin cho đến thực hiện thủ tục miễn giảm thuế hay tham gia đấu thầu,...

4. Chỉ số Tiếp cận đất đai:

Điểm số năm 2023 đạt 7,06 điểm, thứ hạng 18; tăng 0,13 điểm và tăng 17 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Các tiêu chí đánh giá của DN về những khó khăn do thiếu quỹ đất sạch, phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai được cải thiện mạnh. Trong đó:

+ Tỷ lệ DN trả lời “phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai” giảm từ 75% năm 2022 xuống còn 36% vào năm 2023, tăng tới 54 bậc, xếp thứ 6/63 tỉnh, thành.

+ Tỷ lệ DN tham gia khảo sát trả lời gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch được cải thiện mạnh, giảm từ 24% năm 2022 xuống còn 8% năm 2023, tăng 41 bậc.

- Chỉ còn 10% DN tham gia khảo sát trả lời gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm, giảm 10% và tăng tới 33 bậc so với năm 2022.

- DN đánh giá việc tiếp cận thông tin, dữ liệu về đất đai thuận lợi hơn. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 16% DN trả lời thông tin không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng, tăng 21 bậc so với năm 2022 (từ vị trí 42/63 năm 2022 lên vị trí 21/63 năm 2023).

- Đánh giá của DN về thời gian giải quyết hồ sơ đất đai hay thời gian thực hiện thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất trong năm 2023 cũng dần được cải thiện.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- DN đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất tăng cao, từ 1,58 điểm năm 2022 lên 1,97 điểm vào năm 2023, giảm tới 40 bậc so với 2022 (59/63).

- Tỷ lệ DN phản ánh sự thay đổi bằng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường giảm từ 85% xuống còn 76%, giảm từ vị trí 6/63 năm 2022 xuống vị trí 28/63 vào năm 2023.

- Có tới 51% DN tham gia khảo sát phản ánh cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết TTHC đất đai không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ, tăng 19% so với năm 2022, xếp thứ bậc thấp so với cả nước (56/63).

c) Đánh giá chung:

Xác định cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các văn bản QPPL để điều chỉnh các vấn đề tại địa phương để tháo gỡ các nút thắt, rào cản, góp phần thúc đẩy nguồn vốn đầu tư tại tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn như gia hạn nộp tiền sử dụng đất; ban hành các Quy chế phối hợp trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng và các thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất của người dân và doanh nghiệp; tích cực triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm tháo gỡ các khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục để tiếp cận đất đai, thông tin, dữ liệu có liên quan, bảo đảm các quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC; triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm tháo gỡ các khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục để tiếp cận đất đai, thông tin, dữ liệu có liên quan, bảo đảm các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện TTHC. Thường xuyên rà soát, TTHC theo hướng đơn giản hóa, giảm thời gian và giảm chi phí thực hiện TTHC...

Bên cạnh đó, ngành tài nguyên và môi trường tiếp tục triển khai thực hiện công tác rà soát quỹ đất, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn thiện tiêu chí quy trình thu hồi theo đúng quy định. Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, cùng với chính sách kêu gọi đầu tư, trên địa bàn tỉnh đã giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển các công trình công cộng, phúc lợi xã hội, sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ... tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác thực hiện giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm so với Hợp đồng đã ký kết; nhất là các dự án trọng điểm, kêu gọi đầu tư. Các đơn vị chậm bố trí kinh phí thực hiện chi trả sau khi phương án được phê duyệt; một số quy định về việc bồi thường, hỗ trợ chưa được rõ ràng, cụ thể; việc thay đổi chính sách về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ gia đình, cá nhân có Hợp đồng nhận khoán với các Công ty Nông lâm nghiệp làm nảy sinh kiến nghị, khiếu nại của các hộ dân; công tác xác minh nguồn gốc sử dụng đất, xác minh chủ sử dụng đất, loại đất để thực hiện bồi thường tại một số dự án còn chậm, do gặp nhiều khó khăn trong việc xác định ranh giới quản lý, sử dụng đất giữa các đơn vị được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và người đang sử dụng đất. Tình trạng sử dụng sai mục đích, xâm canh lấn chiếm, tranh chấp đất đai vẫn còn xảy ra, nhất là tại các dự án của Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn.

Lĩnh vực đất đai là lĩnh vực rất phức tạp, có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác như xây dựng, đầu tư, tài sản công. Mặt khác các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai thường xuyên thay đổi, hơn nữa do mâu thuẫn trong nội tại các quy định của pháp luật đất đai, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau, vì vậy gặp khó khăn trong công tác hướng dẫn TTHC về đất đai. Mặt khác, Cán bộ hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ về đất đai đối với Doanh nghiệp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công làm việc theo từng đợt (Thời hạn 01 năm) và đều là người không làm nhiệm vụ chuyên môn về đất đai, do đó khi hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ chỉ hướng dẫn và tiếp nhận đủ về thành phần của hồ sơ, còn về chất lượng hồ sơ thì phải là cán bộ xử lý hồ sơ.

Trong bối cảnh hiện nay, tỉnh Đắk Lắk đang tập trung thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn trong ngoài nước, thì việc nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai là một trong những vấn đề được quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Chính vì vậy, để tiếp tục cải thiện chỉ số này, trong thời gian tới, cần phải thường xuyên rà soát, theo dõi và đánh giá việc thực thi chính sách về đất đai, kịp thời phát hiện những bất cập để kiến nghị, sửa đổi các quy định đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, tích cực đẩy mạnh CCHC trong nội bộ ngành để nâng cao hiệu quả giải quyết các thủ tục về đất đai cho doanh nghiệp (thủ tục đầu tư, giao đất, cho thuê đất...) đảm bảo đúng thời gian. Tích cực, chủ động tháo gỡ những phát sinh liên quan đến việc thực hiện chính sách pháp luật về đất đai thông qua đối thoại, gặp gỡ, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư để giải quyết, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc. Công bố, công khai rộng rãi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của cấp huyện để người dân và doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin. Cùng với đó, nâng cao

chất lượng, trách nhiệm, thái độ của đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC về đất đai để tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp mỗi khi có nhu cầu đến cơ quan nhà nước thực hiện TTHC trên lĩnh vực đất đai.

5. Chỉ số Chi phí không chính thức:

Điểm số năm 2023 đạt 7,21 điểm, thứ hạng 26/63; tăng 0,23 điểm và tăng 6 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Tỷ lệ DN có chi trả chi phí không chính thức giảm gần 30% so với năm 2022.
- Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN dần được cải thiện, tỷ lệ DN trả lời phải chi trả CPKCT trong một số lĩnh vực như cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện, PCCC, đất đai, môi trường, xây dựng giảm nhiều so với năm trước.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Tỷ lệ DN cho biết công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả CPKCT không được cải thiện, vẫn ở mức cao so với trung vị cả nước (64%).
- Tỷ lệ DN cho biết phải chi trả trên 10% doanh thu cho CPKCT không được cải thiện, quy mô các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được vẫn còn ở mức cao (83%).
- Có tới 48% DN tham gia khảo sát trả lời “Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng chạy án”, tăng tới 32% so với năm 2022.
- Việc chi trả CPKCT trong một số lĩnh vực như thanh, kiểm tra thuế, quản lý thị trường, chi trả hoa hồng để có cơ hội thắng thầu mặc dù có giảm nhưng vẫn ở mức cao so với mặt bằng chung cả nước. Đáng lưu ý là tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong lĩnh vực ĐKDN lại gia tăng.

c) Đánh giá chung:

Tỉnh đã tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chủ trương, chính sách, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, của Tỉnh ủy đối với các nội dung của công tác CCHC, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện tốt chủ đề CCHC năm 2023 là “*Nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ. Đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC, đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội*”; đẩy mạnh ứng dụng CNTT để giám sát việc thực hiện TTHC và đẩy mạnh rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác CCHC, đặc biệt là theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ CBCCVN; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong triển khai từng nhiệm vụ CCHC. Thường xuyên theo dõi, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao chất lượng phục vụ. Qua đó, kết quả chỉ số Chi phí không chính thức dần được cải thiện.

Tuy nhiên, vấn đề chi trả CPKCT trong một số lĩnh vực như thanh, kiểm tra thuế, quản lý thị trường, chi trả hoa hồng để có cơ hội thắng thầu, đăng ký doanh nghiệp vẫn ở mức cao đã cho thấy công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực vẫn cần tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới.

6. Chỉ số Gia nhập thị trường

Điểm số năm 2023 đạt 7,27 điểm, thứ hạng 37; tăng 0,64 điểm và tăng 16 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- DN tham gia khảo sát đánh giá thời gian ĐKDN và thời gian thay đổi nội dung ĐKDN được rút ngắn hơn so với năm 2022, lần lượt giảm từ 15 ngày xuống còn 10 ngày đối với thủ tục ĐKDN và giảm từ 7 ngày xuống còn 5 ngày đối với thủ tục thay đổi nội dung ĐKDN.

- Đánh giá của DN trong việc công chức tại bộ phận một cửa hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ, am hiểu chuyên môn, nhiệt tình được cải thiện.

- Các chỉ tiêu liên quan đến việc thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện tại các Sở, ngành đều được DN đánh giá cao hơn so với năm 2022.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Tỷ lệ DN cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên tăng từ 6% vào năm 2022 lên 8% vào năm 2023.

- Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi ĐKDN thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện giảm 10% so với năm 2022.

- Có tới 9% DN trả lời “Phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN” và 14% DN trả lời “Phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi ĐKDN”, lần lượt tăng 3% và 8% so với năm 2022.

- Có 5% DN tham gia khảo sát trả lời phải chờ hơn 01 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động, tăng 2% so với năm 2022.

c) Đánh giá chung:

Hầu hết các tiêu chí thành phần đánh giá về thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đều được doanh nghiệp đánh giá đã có cải thiện. Các cơ quan, đơn vị đã tích cực thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho doanh nghiệp; quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa công vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức tại bộ phận một cửa.

Trong lĩnh vực ĐKDN, cơ quan đăng ký kinh doanh đã chủ động đơn giản hóa quy trình xử lý, đổi mới phương thức hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục ĐKDN. Kết quả trong năm 2023, thời gian trung bình xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được rút ngắn so với quy định chung, từ 3 ngày làm việc giảm xuống còn 1,87 ngày đối với hồ sơ đăng

ký mới và 1,9 ngày đối với hồ sơ đăng ký/thông báo thay đổi, một số trường hợp hồ sơ, thủ tục đơn giản đã được Phòng ĐKKD xử lý và trả kết quả ngay trong ngày, từ đó góp phần cắt giảm thời gian gia nhập thị trường cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, do tỷ lệ hồ sơ ĐKDN qua mạng điện tử tăng cao (chiếm 99,49%) đã kéo theo chất lượng hồ sơ cũng không được đảm bảo như nộp trực tiếp, mặc dù đã có sự hướng dẫn, hỗ trợ nhưng hồ sơ vẫn phải sửa đổi nhiều lần.

Mặc dù việc kê khai sử dụng lao động, sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp đã được triển khai thực hiện đồng thời khi thực hiện thủ tục ĐKDN từ năm 2023, nhưng doanh nghiệp vẫn còn phải mất nhiều thời gian để làm việc với cơ quan thuế quản lý để được xuất hóa đơn theo phương thức đã đăng ký. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm kéo dài thời gian chuẩn bị để doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động.

Chính vì vậy, ngoài việc phải tiếp tục cải cách TTHC lĩnh vực ĐKDN, cấp phép kinh doanh có điều kiện cũng cần phải xem xét đến vấn đề đăng ký sử dụng và xuất hóa đơn của doanh nghiệp từ phía cơ quan thuế. Đặc biệt, các cơ quan, đơn vị cần phải thay đổi phương thức hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục gia nhập thị trường (thay vì chỉ hướng dẫn tại bộ phận Một cửa) để tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho doanh nghiệp.

7. Chỉ số Chi phí thời gian:

Điểm số năm 2023 đạt 7,62 điểm, thứ hạng 41/63; tăng 1,21 điểm và tăng 17 bậc so với năm 2022.

a) Điểm sáng, tích cực:

- Đánh giá của DN về việc thực hiện TTHC trực tuyến có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ DN trả lời không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến tăng lên 73%, trong khi đó năm 2022 chỉ có 42%. Việc thực hiện TTHC trực tuyến cũng giúp DN tiết giảm thời gian và chi phí hơn.

- Chỉ còn 3% DN tham gia khảo sát phản ánh cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu DN, giảm 5% so với năm 2022.

- Tỷ lệ DN cho biết bị thanh, kiểm tra trên 3 lần một năm và nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp cũng dần được cải thiện.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Gánh nặng tuân thủ pháp luật của DN vẫn cần phải thúc đẩy cắt giảm khi có tới 21% DN được khảo sát trả lời phải dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước, tăng 6% so với năm 2022.

- DN đánh giá hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ nhà nước có chiều hướng đi xuống, DN còn phải đi lại nhiều lần để hoàn tất hồ sơ.

- Đánh giá của DN về thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định không được cải thiện.

c) Đánh giá chung:

Mặc dù Chi phí thời gian là chỉ số có điểm cao nhất trong 10 chỉ số thành phần nhưng vẫn xếp ở vị trí thấp so với cả nước (41/63). Hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được duy trì vận hành đồng bộ, các TTHC được liên thông, đảm bảo hoạt động của Trung tâm đi vào thực chất, phục vụ hiệu quả hơn cho người dân, tổ chức và các doanh nghiệp; thường xuyên giám sát việc thực hiện nhiệm của công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ, xử lý tại các tổ, bộ phận một cửa của các Sở, ngành, đơn vị làm việc tại Trung tâm. Thủ tục, trình tự của TTHC được cập nhật đầy đủ, công khai trên Hệ thống dịch vụ hành chính công của tỉnh, tại Bộ phận một cửa và trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để kịp thời phổ biến rộng rãi. Công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại các tổ, bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC. Bên cạnh đó, cơ quan Thuế đã nỗ lực triển khai các giải pháp quản lý rủi ro, phân tích hồ sơ chuyên sâu, trọng tâm, trọng điểm và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian thực tế các cuộc thanh tra, kiểm tra thuế.

Tuy nhiên, theo đánh giá của doanh nghiệp thì thông tin phí, lệ phí vẫn chưa được công khai đầy đủ. Công tác cải cách về TTHC vẫn chưa được triệt để; kết quả giải quyết TTHC một số lĩnh vực vẫn còn trường hợp quá hạn do sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC chưa kịp thời và có một số vướng mắc về quy hoạch hoặc các quy định pháp luật, làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ; thủ tục giấy tờ vẫn rườm rà. Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống iGate tại một số cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện một cách triệt để và hiệu quả, chưa đạt mục tiêu đề ra trong CCHC nhà nước của tỉnh. Bên cạnh đó, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan cấp trên còn điều bất cập, nhiều văn bản có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết các TTHC có liên quan và xử lý vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (lĩnh vực thuế, đất đai, đầu tư,...) cũng như doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước.

Do đó, trong bối cảnh Chính phủ và các địa phương đều tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, cần thiết phải thực hiện hiệu quả các giải pháp để việc triển khai thực hiện TTHC qua mạng điện tử đi vào thực chất, tránh tình trạng chỉ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến một cách hình thức (thực tế doanh nghiệp vẫn phải nộp hồ sơ giấy). Đồng thời, cơ quan thanh tra các cấp cũng cần phải tăng cường rà soát, đối chiếu kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp để giải quyết triệt để tình trạng doanh nghiệp phải chịu thanh kiểm tra trên 3 lần/năm.

B. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PGI NĂM 2023 CỦA TỈNH

Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) tập hợp và truyền tải “tiếng nói” của cộng đồng doanh nghiệp về chất lượng quản trị môi trường tới chính quyền các cấp. Chỉ số này được xây dựng nhằm đo lường chất lượng quản trị môi trường trên cơ sở các văn bản chính sách và quy định pháp luật về môi trường điều chỉnh mối quan hệ giữa chính quyền cấp tỉnh và doanh nghiệp.

Một địa phương được coi là có chất lượng quản trị môi trường tốt khi: (1) Có những nỗ lực phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, rủi ro thiên tai; (2) Xây dựng và thực thi các quy định và biện pháp hợp lý để đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường mà không tạo thêm gánh nặng quá lớn cho doanh nghiệp; (3) Hướng dẫn, phổ biến đầy đủ về các thực hành xanh và chú trọng mua sắm xanh; (4) Khuyến khích “xanh hóa” mô hình sản xuất kinh doanh thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp cụ thể.

Sau khi tính toán điểm tổng hợp PGI dựa trên trọng số các chỉ số thành phần (mỗi chỉ số thành phần được gán trọng số bằng nhau là 25%), kết quả điểm số PGI năm 2023 của tỉnh đạt 20,84 điểm, xếp thứ 42/63 tỉnh, thành phố, tăng 6,61 điểm và 2 bậc so với năm 2022; xếp thứ 2 khu vực Tây Nguyên (sau Đắk Nông - xếp thứ 36).

Kết quả Chỉ số PGI năm 2023 của tỉnh cụ thể như sau:

T T	Chỉ số	Điểm số			Trung vị
		2022	2023	Tăng (+), giảm (-)	
1	CSTP 1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của BĐKH (cho doanh nghiệp)	3,07	6,05	+2,98	6,80
2	CSTP 2. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	4,85	6,18	+1,33	5,99
3	CSTP 3. Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành Xanh	4,14	3,87	-0,27	4,02
4	CSTP 4. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường	2,18	4,73	+2,55	5,04
	Điểm tổng hợp PGI	14,23	20,84	+6,61	21,89

I. PHÂN TÍCH CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Chỉ số Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai:

a) Điểm sáng, tích cực:

Đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng môi trường, sự ô nhiễm môi trường của tỉnh đã có những cải thiện đáng kể, cụ thể:

- Có 69% DN tham gia khảo sát đánh giá Chất lượng môi trường tốt hoặc rất tốt, tăng 30% so với năm 2022;

- 32% DN đánh giá mức độ ô nhiễm ở địa phương là “không ô nhiễm hoặc ít ô nhiễm”, tăng 12% so với năm 2022;

- Vấn đề ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng được cải thiện đáng kể khi có 58% DN được khảo sát trả lời “không bị ảnh hưởng” bởi ô nhiễm.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Mặc dù tỷ lệ DN cho rằng “tình trạng doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường ở địa phương là phổ biến” có giảm so với năm 2022 (giảm từ 72% xuống còn 70%), nhưng vẫn ở mức cao so với trung bình cả nước (64%).

- Tình trạng biến đổi khí hậu vẫn là một rào cản cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khi có tới 8% DN lựa chọn “thiên tai, biến đổi khí hậu” khi được hỏi “trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay doanh nghiệp bạn đang gặp những khó khăn nào”; 74% DN tham gia khảo sát đồng ý với nhận định “thiên tai ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp trong 02 năm qua”.

- Cảm nhận của doanh nghiệp về mức độ sẵn sàng và ứng phó của chính quyền tỉnh khi xảy ra thiên tai và mức độ khôi phục cơ sở hạ tầng cơ bản và hạ tầng giao thông sau thiên tai, việc kịp thời hỗ trợ DN khắc phục thiệt hại sau thiên tai của tỉnh cũng thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

- Tỷ lệ xã có hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày trên địa bàn tỉnh (dữ liệu từ Tổng cục Thống kê) cũng rất thấp, chỉ đạt 63,8%, trong khi đó trung bình cả nước đạt tới 81,6%.

2. Chỉ số Đảm bảo tuân thủ:

a) Điểm sáng tích cực:

- Chỉ có 2% DN tham gia khảo sát đánh giá TTHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn phiền hà, thấp hơn so với trung bình cả nước (5%).

- Mức độ giám sát thực thi quy định môi trường thông qua hoạt động thanh, kiểm tra cũng được DN trên địa bàn tỉnh đánh giá tích cực hơn khi có 44% DN được khảo sát trả lời có đón tiếp đoàn thanh, kiểm tra môi trường và chỉ có 6% DN tham gia khảo sát trả lời “Có trả chi phí không chính thức cho thanh tra môi trường”.

b) Vấn đề cần lưu ý:

- Đánh giá của DN về những nỗ lực của chính quyền tỉnh trong việc phòng ngừa rủi ro ô nhiễm môi trường hay chính quyền tỉnh nhanh chóng khắc phục sự cố môi trường đi xuống, các chỉ tiêu này đều giảm từ 6% đến 7% so với năm 2022.

- Mặc dù đánh giá của DN về những vấn đề tiêu cực trong hoạt động thanh, kiểm tra môi trường tương đối thấp nhưng vẫn còn nhiều DN tham gia khảo sát không đồng ý với nhận định “Việc thanh, kiểm tra môi trường được thực hiện công bằng” và tỷ lệ DN cho rằng “Thanh, kiểm tra môi trường góp phần giải quyết ô nhiễm và rủi ro thiên tai” không cao.

- Việc thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều vấn đề cần lưu ý khi “Khối lượng chất thải rắn bình quân 1.000 người đã được thu gom” chỉ đạt 0,79 tấn/1.000 dân và “Khối lượng chất thải rắn bình quân 1.000 người đã qua xử lý” chỉ đạt 0,28 tấn/1.000 dân.

3. Chỉ số Thúc đẩy thực hành xanh:

a) Điểm sáng tích cực:

Công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các thực hành xanh của địa phương có nhiều chuyển biến tích cực khi 68% DN tham gia khảo sát trả lời “Được cơ quan nhà nước hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường”, tăng 4% so với năm 2022 và cao hơn trung bình cả nước (64%).

b) Vấn đề cần lưu ý:

So sánh điểm số các chỉ số thành phần trong kết quả PGI năm 2023 của tỉnh có thể thấy “Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành Xanh” không được DN đánh giá cao, trong khi hầu hết các chỉ số thành phần đều được cải thiện so với năm 2022 thì chỉ số này lại đi xuống, năm 2022 chỉ đạt 3,87 điểm và giảm 0,27 điểm so với năm 2022. Trong đó có tới 9/11 tiêu chí thành phần thấp hơn so với trung vị cả nước, cụ thể:

- DN đánh giá chính quyền tỉnh “Ưu tiên mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp xanh” giảm từ 82% vào năm 2022 xuống còn 73% vào năm 2023. Tỷ lệ DN đồng ý với nhận định chính quyền tỉnh “Sẵn sàng trả giá cao hơn khi mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp xanh” cũng giảm 11% so với năm 2022.

- Mức độ đầu tư của DN để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện đầu tư xanh hóa trên tổng chi phí vận hành cũng ở mức thấp. Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là DNNVV, ít tham gia xuất khẩu nên chưa thật sự quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp quy trình vận hành xanh.

- Chỉ có 12% DN tham gia khảo sát trả lời “quy định pháp luật là yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy xanh hóa” và có 11% DN trả lời “Không đầu tư xanh vì thiếu quy định pháp luật ràng buộc”.

- Mức độ quan tâm, ưu tiên nguồn lực tài chính của chính quyền tỉnh dành cho công tác bảo vệ môi trường cũng giảm mạnh, tỷ trọng ngân sách nhà nước phân bổ cho hoạt động bảo vệ môi trường giảm chỉ còn 0,25% trên tổng ngân sách của tỉnh (dữ liệu từ Bộ Tài chính), trong khi đó năm 2022 tỷ lệ này là 1%.

4. Chỉ số Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ:

Chỉ số này đánh giá mức độ doanh nghiệp có thể tiếp cận và thụ hưởng các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến các thực hành xanh và kinh doanh xanh do chính quyền địa phương triển khai; đo lường hai chiều cạnh về sự tiếp cận của doanh nghiệp, một là với các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thực hành kinh doanh xanh và hai là các dịch vụ tư vấn, đào tạo để cải thiện hoạt động môi trường. Các chỉ tiêu đánh giá này đều được xây dựng mới vào năm 2023. Do đó, tại phần này chỉ thực hiện so với trung bình cả nước. Kết quả cho thấy việc triển khai các chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường đặt ra nhiều vấn đề cần lưu ý như sau:

- Cảm nhận của DN về mức độ sẵn có và thuận lợi trong tiếp cận chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hành kinh doanh xanh không cao. Chỉ có 26% DN triển

khai thực hành xanh trả lời được hưởng ưu đãi chính sách ưu đãi về thuế hoặc chương trình hỗ trợ của tỉnh khi đầu tư xanh; 31% DN đã triển khai thực hành xanh cho biết được tỉnh cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý môi trường và 29% DN được hưởng dịch vụ đào tạo, trong khi đó tỷ lệ này của Đắk Nông lên tới 53% và 60%.

- Đối với những DN không đầu tư xanh, có tới 17% DN trả lời do thiếu năng lực và nguồn lực, 12% DN trả lời do thiếu nhận thức về lĩnh vực này.

- Tỷ lệ DN trong lĩnh vực ngành về bảo vệ môi trường tại tỉnh chỉ chiếm 22%, trong khi đó trung vị cả nước là 28%. Điều này đã cho thấy chính quyền tỉnh chưa có nhiều hành động để thúc đẩy phát triển DN tham gia tốt hơn vào quá trình chuyển đổi hướng đến tăng trưởng xanh, xây dựng hệ sinh thái kinh doanh xanh.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Trong bối cảnh vấn đề môi trường và phát triển bền vững ngày càng được quan tâm, PGI là một nguồn thông tin tham khảo hữu ích trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thân thiện môi trường, qua đó cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh và đời sống người dân. Các nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực của ô nhiễm, thiên tai và biến đổi khí hậu có thể mang lại hiệu quả. Các hoạt động hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp trở nên thân thiện hơn với môi trường có thể giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Chính vì vậy, cần thiết phải có một đơn vị làm nhiệm vụ đầu mối để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các giải pháp để cải thiện chỉ số PGI của tỉnh, từ đó góp phần cải thiện mạnh mẽ đánh giá của DN về vai trò của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh và các chỉ số thành phần còn lại. Bên cạnh đó, cũng cần phải tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PGI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh trong việc phát huy những điểm sáng tích cực, cải thiện những mặt còn tồn tại, hạn chế để nâng cao xếp hạng Chỉ số PGI, góp phần thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo định hướng xanh và phát triển bền vững tại tỉnh.

- Chủ động triển khai các phương án ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; kịp thời khắc phục hậu quả sau thiên tai, giảm mức thấp ảnh hưởng đến đời sống nhân và hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tích cực phối hợp xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn về sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo; bảo tồn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; hướng dẫn, phổ biến các nội dung liên quan đến quy định pháp luật môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh và tạo lập môi trường kinh doanh thân thiện môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh năm 2024 và những năm tiếp theo. Đồng thời, đề xuất UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nhằm cải thiện Chỉ số PGI của tỉnh.

Trên đây là Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số PCI và Chỉ số PGI năm 2023 của tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCI;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD, PGD Sở;
- Các phòng thuộc Sở (để biết);
- Lưu VT, ĐKKD (Th).

GIÁM ĐỐC

Võ Ngọc Tuyên